

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 206/2024/DS-ST
Ngày: 06-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hữu;

Bà Thị A Mi Na.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Vương Sơn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền, ký ngày 14-6-2024) có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Quý H1, sinh năm 1977 và chị Giáp Thị T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp anh Vương Sơn H trình bày:

Anh Nguyễn Văn T quen biết hàng xóm với vợ chồng chị Giáp Thị T1, anh Phan Quý H1 và có cho chị T1, anh H1 vay số tiền cụ thể như sau:

- Vào ngày 18-6-2021 anh T có cho chị T1, anh H1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 tháng, mục đích vay tiền để kinh doanh làm ăn trong gia đình;

- Vào ngày 01-7-2021 chị T1, anh H1 tiếp tục vay của anh T số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 tháng, mục đích vay tiền để kinh doanh làm ăn trong gia đình;

Các lần vay tiền chị T1 có ghi giấy vay tiền giao cho anh T giữ, nhưng không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ vào giấy nợ, theo giấy vay tiền ghi thời hạn trả nợ “sáu tháng” là do anh T tự ghi vào sau. Từ khi vay chị T1, anh H1 không có trả tiền lãi cho anh T, đến ngày 18-01-2023 chị T1 có trả cho anh T được số tiền gốc 900.000.000 đồng và ngày 05-7-2023 chị T1 có chuyển khoản trả số tiền lãi 300.000.000 đồng, ngoài ra không trả thêm số tiền lãi nào khác.

Anh H1, chị T1 cho rằng ngày 05-7-2023 có trả cho anh T số tiền gốc 300.000.000 đồng là không đúng, vì ngày 18-6-2023 anh T có nhắn tin Z với anh H1 thông báo tiền lãi còn nợ là 261.000.000 đồng, do đó đến ngày 05-7-2023 chị T1 chuyển khoản trả 300.000.000 đồng, nên đây là trả tiền lãi chứ không phải tiền nợ gốc.

Do đó, nay anh T khởi kiện yêu cầu chị T1, anh H1 trả số tiền vay gốc 1.200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn chị Giáp Thị T1 có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Chị với anh Nguyễn Văn T quen biết hàng xóm, anh Phan Quý H1 là chồng chị; chị có vay tiền của anh T 02 lần cụ thể như sau:

- Vào ngày 18-6-2021 chị có vay của anh Nguyễn Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, mục đích vay tiền để kinh doanh làm ăn trong gia đình;

- Vào ngày 01-7-2021 chị tiếp tục vay của anh T số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, mục đích vay tiền để kinh doanh làm ăn trong gia đình;

Đến khoảng năm 2023 chị bán đất trả cho anh T được số tiền 900.000.000 đồng và sau đó (không nhớ ngày tháng cụ thể) chị có chuyển vào tài khoản của anh T trả thêm số tiền 300.000.000 đồng, nếu T không thừa nhận thì chị sẽ sao kê tài khoản từ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án theo quy định.

Các lần vay tiền chị có ghi giấy vay tiền giao cho anh T giữ, nhưng không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ và theo giấy vay tiền do anh T cung cấp có ghi thời hạn trả nợ “sáu tháng” là không đúng. Từ khi vay chị có trả tiền lãi cho anh T nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, hình thức trả lãi là chuyển khoản Ngân hàng và giao trực tiếp tiền mặt.

Đầu năm 2024, khi chị không còn khả năng trả tiền lãi nữa thì anh T đến yêu cầu chị trả tiền gốc nhưng do khó khăn nên chị chưa có tiền trả lại cho anh T và anh T có thông báo với chị là anh T bán nợ cho Công ty đòi nợ và có người tự xưng là nhân viên của Công ty đòi nợ đến nhà chị đòi nợ nhưng chị không đồng ý trả, vì chị nợ anh T không nợ Công ty, do chị không trả tiền nên những người này khủng bố tinh thần nhà chị, chị có trình báo chính quyền địa phương nhưng vẫn không giải quyết được.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 1.200.000.000 đồng thì chị không đồng ý, vì chị đã trả cho anh T được số tiền gốc 300.000.000 đồng nên nay đồng ý trả cho anh T số tiền 900.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật trừ vào tiền nợ gốc.

Bị đơn anh Phan Quý H1 có ý kiến.

Anh với chị Giáp Thị T1 là vợ chồng, vợ chồng anh là hàng xóm quen biết anh Nguyễn Văn T, qua sự việc anh T khởi kiện anh có ý kiến như sau:

Khi anh T cho vợ anh vay tiền thì không có thông báo anh biết, vợ anh cũng không nói anh biết, đến khi vợ anh không còn khả năng trả nợ thì anh T mới thông báo cho anh biết và vợ chồng bán đất trả cho anh T số tiền 900.000.000 đồng và vợ anh có vay tiền Ngân hàng chuyển khoản trả cho anh T số tiền 300.000.000 đồng, còn tiền lãi thì do vợ anh tự trả cho anh T, anh không trực tiếp trả nên không biết bao nhiêu.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 1.200.000.000 đồng thì anh thống nhất với ý kiến của vợ anh là đồng ý có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền gốc 900.000.000 đồng, vì vợ anh đã trả cho anh T được số tiền gốc 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh Vương Sơn H là người đại diện hợp pháp của anh T xin vắng mặt. Chị T1, anh H1 thừa nhận số tiền 300.000.000 đồng chuyển khoản cho anh T là trả tiền lãi nên đồng ý trả cho anh T số tiền gốc 1.200.000.000 đồng nhưng yêu cầu tính lại tiền lãi của số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng từ ngày 18-01-2023 đến nay theo quy định của pháp luật, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật thì trừ vào tiền gốc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T là có cơ sở

chấp nhận một phần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay gốc 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng, ghi nhận anh T không yêu cầu tính tiền lãi suất. Do anh T đã nhận tiền lãi (03%/tháng) của số tiền vay từ ngày 18-01-2023 đến ngày 05-7-2023 vượt quá mức quy định của pháp luật (1,66%/tháng) nên đề nghị Hội đồng xét xử tính lại phần lãi vượt quá quy định của pháp luật và khấu trừ vào tiền nợ gốc.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T, anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vương Sơn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 trả số tiền vay 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất. Anh H1, chị T1 thừa nhận có vay của anh T số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng và đã trả tiền lãi số tiền 300.000.000 đồng nên đồng ý trả cho anh T số tiền 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật trừ vào tiền nợ gốc.

Xét thấy, khi khởi kiện anh Nguyễn Văn T cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm “01 Giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 18-6-2021 và 01 Giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 01-7-2021”. Chứng cứ trên đã được Tòa án mở phiên họp công khai cho anh H1, chị T1 biết và anh chị cũng thừa nhận chứng cứ do anh T cung cấp cho Tòa án là đúng nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Căn cứ chứng cứ là 02 Giấy biên nhận vay tiền do anh Nguyễn Văn T cung cấp và được anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh Nguyễn Văn T với anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng,

nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 2.100.000.000 (hai tỷ, một trăm triệu) đồng, các bên có thỏa thuận tiền lãi suất nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1, chị T1 thừa nhận có vay của anh T số tiền 2.100.000.000 (hai tỷ, một trăm triệu) đồng, đã trả được số tiền 900.000.000 đồng, còn nợ số tiền 1.200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh H1, chị T1 đồng ý trả cho anh T số tiền vay 1.200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lại tiền lãi của anh H1, chị T1 thấy rằng: Anh T cho rằng từ ngày vay anh H1, chị T1 chỉ trả được tiền lãi 300.000.000 đồng là không phù hợp, vì theo các chứng cứ do anh T cung cấp cụ thể là đoạn tin nhắn Z với anh H1 thông báo tiền lãi đến ngày 18-6-2023 còn nợ là 261.000.000 đồng và đến ngày 05-7-2023 chị T1 chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng, hai bên đều thừa nhận khi vay thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, như vậy nếu tính tiền lãi từ ngày vay đến ngày 18-6-2023 của số tiền vay gốc 2.100.000.000 đồng là không phù hợp với mức lãi mà các bên thỏa thuận nên có căn cứ số tiền 300.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay gốc 1.200.000.000 đồng tính từ ngày 18-01-2023 đến ngày 05-7-2023. Tại phiên tòa, anh H1, chị T1 chỉ yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật từ ngày 18-01-2023 đến ngày 05-7-2023 của số tiền vay gốc 1.200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả từ ngày 18-01-2023 trở về trước nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm) và anh H1, chị T1 có yêu cầu tính lại tiền lãi nên Hội đồng xét xử chỉ tính lại tiền lãi của số tiền gốc 1.200.000.000 đồng $\times 1,66\% \times 05$ tháng 17 ngày (từ ngày 18-01-2023 đến ngày 05-7-2023) = 110.888.000 đồng và tiền lãi đã trả vượt mức lãi theo quy định là 300.000.000 đồng - 110.888.000 đồng = 189.112.000 đồng. Do đó phần tiền lãi mà anh H1, chị T1 đã trả vượt quá định định được trừ vào tiền gốc (1.200.000.000 đồng - 189.112.000 đồng) nên anh H1, chị T1 còn phải trả cho anh T số tiền vay gốc 1.010.888.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay gốc 1.010.888.000 (một tỷ, không trăm mười triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 trả số tiền vay gốc 189.112.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận yêu cầu. Anh anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay gốc 1.010.888.000 (một tỷ, không trăm mười triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 trả số tiền gốc 189.112.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 9.456.00 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) tại biên lai thu số 0006446, ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh T được nhận lại số tiền chênh lệch 14.544.000 đồng.

Anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 phải chịu 42.326.000 (bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Quý H1, chị Giáp Thị T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc